

Số: **08/2021/QĐST-HNGĐ**

*LB, ngày 09 tháng 4 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Tuyền Quang;

Chỗ ở hiện nay: Thôn 6, xã C, huyện N, tỉnh Tuyền Quang.

Bị đơn: Anh **Hoàng Quốc T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Tuyền Quang.

Căn cứ vào các Điều 28, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Quốc T.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về con chung:* Giao cháu Hoàng Quốc T1, sinh ngày 15/02/2014 cho anh Hoàng Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Hoàng Thị Kim T2, sinh ngày 05/9/2015 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, vay nợ chung:* Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Quốc T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị D nhận chịu toàn bộ 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000076 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, chị D đã nộp đủ. Hoàn trả cho chị D số tiền chênh lệch 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**  
**(ĐÃ KÝ)**

**Hoàng Cao Tiến**

